

Bản án số: 87/2021/HC-PT

Ngày: 30/3/2021

V/v: Khiếu kiện Quyết định hành chính

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các Thẩm phán: Ông Mai Anh Tài;

Ông Đặng Văn Hưng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hà Lê Giang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 271/2020/TLPT-HC ngày 21 tháng 4 năm 2020, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với bản án hành chính sơ thẩm số 03/2020/HCST ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2440/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Trần Đức D, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ 13, thị trấn VX, huyện VX, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Việt Hà, sinh năm 1965, địa chỉ: Tổ 11, thị trấn VX, huyện VX, tỉnh Hà Giang, theo giấy ủy quyền ngày 13/5/2019 - BL 22. Có mặt.

Người bị kiện: Bảo hiểm xã hội tỉnh Hà Giang. Địa chỉ: Tổ 21, phường Minh Khai, thành phố HG, tỉnh Hà Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Quang Hùng, Phó giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Hà Giang. Địa chỉ: Tổ 21, phường Minh Khai, thành phố HG, tỉnh Hà Giang, theo giấy ủy quyền số 769, ngày 24/6/2019 - BL 35. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn bổ sung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của người khởi kiện ông Trần Đức D trình bày: Ông có thời gian công tác trong quân đội từ tháng 9/1976 đến tháng 6/1982, sau đó được phục viên xuất ngũ chuyển về làm công nhân nông trường chè Việt Lâm, huyện VX, tỉnh Hà Giang từ tháng

7/1982 đến tháng 6/1995; làm công nhân tại Công ty TNHH Kim Linh, thị xã HG, tỉnh Hà Giang (nay là thành phố HG, tỉnh Hà Giang) từ tháng 7/2008 đến tháng 4/2010; từ tháng 11/2010 đến tháng 12/2010 làm công nhân tại Công ty TNHH Việt Bách, huyện VX, tỉnh Hà Giang. Như vậy, ông đã đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc với thời gian là 20 năm 10 tháng nên đủ điều kiện để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội (BHXH) hàng tháng.

Ngày 18/8/2012, cơ quan Bảo hiểm xã hội (BHXH) tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định số 830/QĐ-BHXH về việc hưởng chế độ hàng tháng đối với ông kể từ ngày 01/9/2012. Đến ngày 27/02/2019, BHXH tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định số 280/QĐ-BHXH về việc tạm dừng hưởng chế độ BHXH hàng tháng kể từ tháng 3/2019 với lý do: Có căn cứ xác định việc hưởng chế độ hưu trí không đúng quy định của pháp luật. Ngày 04/3/2019 ông Trần Đức D có đơn khiếu nại Quyết định số 280/QĐ-BHXH ngày 27/02/2019 với lý do cho rằng BHXH tỉnh Hà Giang ban hành quyết định nêu trên là vi phạm pháp luật vì ông có đầy đủ giấy tờ, hồ sơ nên mới được BHXH tỉnh Hà Giang giải quyết chế độ hưu trí. Ngày 17/4/2019, BHXH tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định số 83/QĐ-BHXH về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Đức D (lần đầu) đã quyết định giữ nguyên Quyết định số 280/QĐ-BHXH ngày 27/02/2019 về việc tạm dừng hưởng chế độ hưu trí hàng tháng đối với ông Trần Đức D vì khiếu nại của ông Trần Đức D sai toàn bộ.

Ngày 10/5/2019, BHXH tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định số 561/QĐ-BHXH về việc chấm dứt hưởng bảo hiểm xã hội hàng tháng đối với ông Trần Đức D kể từ ngày 01/3/2019. Lý do chấm dứt: Có căn cứ xác định việc hưởng bảo hiểm xã hội không đúng quy định của pháp luật.

Ông Trần Đức D cho rằng việc BHXH tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định số 280/QĐ-BHXH ngày 27/02/2019 về việc tạm dừng hưởng chế độ BHXH hàng tháng và Quyết định số 561/QĐ-BHXH ngày 10/5/2019 về việc chấm dứt hưởng chế độ BHXH hàng tháng đối với ông là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu TAND tỉnh Hà Giang xem xét hủy Quyết định số 280/QĐ-BHXH ngày 27/02/2019 và Quyết định số 561/QĐ-BHXH ngày 10/5/2019 của BHXH tỉnh Hà Giang.

Người bị kiện là BHXH tỉnh Hà Giang trình bày tại văn bản số 772/BHXH-TTKT ngày 24/6/2019 với nội dung: Ngày 30/10/2018 BHXH tỉnh Hà Giang nhận được công văn số 3757/CV-CAT (PC03) của Công an tỉnh Hà Giang về việc đề nghị thanh tra, kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ hưởng chế độ BHXH (các văn bản có dấu **MẬT**) nêu: Căn cứ kết quả điều tra, xác minh, kết quả trưng cầu giám định tài liệu trong 05 hồ sơ đang hưởng chế độ hưu trí tại huyện VX xác định: Một số tài liệu có trong 05 hồ sơ là những tài liệu được làm giả, đề nghị BHXH tỉnh Hà Giang tiến hành thanh tra, kiểm tra quá trình đóng BHXH của 05 trường hợp và 05 hồ sơ hưởng chế độ BHXH có đúng pháp luật về BHXH không. BHXH tỉnh Hà Giang xác định đây là vấn đề nghiêm trọng, phức tạp nên đã báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của BHXH Việt Nam. Từ ngày 19 đến ngày 25/12/2018, Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 2519/QĐ-BHXH ngày 12/12/2018 của Tổng giám đốc BHXH Việt Nam đã tiến hành làm việc tại BHXH tỉnh Hà Giang, nội dung kiểm tra công tác thu, cộng nổi thời gian công tác, cấp sổ BHXH và giải quyết chế độ hưu trí đối với 05 trường hợp theo công văn số

3757/CV-CAT (PC03) ngày 30/10/2018 của Công an tỉnh Hà Giang. Tại kết luận số 374/KL-BHXXH ngày 01/02/2019 của BHXXH Việt Nam đã nhận định và kết luận: BHXXH tỉnh Hà Giang xét duyệt, cộng nổi thời gian công tác cho 05 đối tượng nêu trên là chưa đủ cơ sở. Yêu cầu BHXXH tỉnh Hà Giang triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1. Tạm dừng chi trả chế độ hưu trí cho 05 đối tượng là: Cẩn Thị Th; Nguyễn Thị D; Nguyễn Văn Đ; Trần Đức D và Vũ Thị Y.

2. Phối hợp với Công an tỉnh Hà Giang và các cơ quan liên quan xác định tính pháp lý của các hồ sơ, tài liệu. Nếu không đủ căn cứ, điều kiện được hưởng theo quy định thì chấm dứt hưởng chế độ hưu trí đối với 05 trường hợp nêu trên theo quy định của Luật BHXXH.

Thực hiện kết luận số 374/KL-BHXXH của BHXXH Việt Nam ngày 27/02/2019 BHXXH tỉnh Hà Giang ra quyết định tạm dừng hưởng chế độ hưu trí đối với 05 trường hợp nêu trên trong đó có ông Trần Đức Dấu kể từ ngày 01/3/2019.

Ngày 18/4/2019 BHXXH tỉnh Hà Giang có văn bản đề nghị Công an tỉnh Hà Giang cung cấp thông tin đến kết quả điều tra, xác minh, kết quả trưng cầu giám định tài liệu trong 05 hồ sơ của 05 đối tượng nêu trên tại Công văn số 3757/CV-CAT (PC03) ngày 30/10/2018. Ngày 24/4/2019 Công an tỉnh Hà Giang có văn bản số 135/CV-CSĐT trao đổi với BHXXH tỉnh về kết quả điều tra, xác minh liên quan đến 5 đối tượng hưởng chế độ hưu trí. BHXXH tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định số 97/QĐ-BHXXH ngày 24/4/2019 thành lập tổ công tác để thẩm định, xác minh, xác định lại thời gian tính hưởng, điều kiện hưởng BHXXH của 05 đối tượng nêu trên. Trên cơ sở kết quả thẩm tra, xem xét thấy rằng ông Trần Đức D không đủ cơ sở để tính thời gian công tác, do đó ông D không được hưởng chế độ hưu trí theo quy định. Vì vậy, ngày 10/5/2019 BHXXH ban hành Quyết định số 561/QĐ-BHXXH về việc chấm dứt hưởng chế độ BHXXH hàng tháng đối với ông Trần Đức D kể từ ngày 01/3/2019. Lý do chấm dứt: Có căn cứ xác định việc hưởng chế độ BHXXH không đúng quy định của pháp luật và quyết định thu hồi số tiền đã chi trả theo quyết định số 830/QĐ-BHXXH ngày 18/8/2012 của Giám đốc BHXXH tỉnh Hà Giang về việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng kể từ ngày 01/9/2012 đến ngày 28/02/2019 với tổng số tiền là 151.268.300đ (*một trăm năm mươi một triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm đồng*) là đúng quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 03 tháng 12 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại. Qua đối thoại, người khởi kiện rút yêu cầu khởi kiện về việc hủy quyết định số 280/QĐ-BHXXH ngày 27/02/2019 của BHXXH tỉnh Hà Giang về việc tạm dừng hưởng chế độ BHXXH hàng tháng và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 561/QĐ-BHXXH ngày 10/5/2019 của BHXXH tỉnh Hà Giang. Người bị kiện giữ nguyên quan điểm không nhất trí với yêu cầu của người khởi kiện về việc hủy Quyết định số 561/QĐ-BHXXH ngày 10/5/2019 của BHXXH tỉnh Hà Giang.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2020/HCST ngày 15/01/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính;

Căn cứ vào điểm c khoản 1 và khoản 3 Điều 64 và Điều 93 Luật Bảo hiểm xã hội; khoản 3 Điều 23 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về BHXH bắt buộc; Điều 11 Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư; khoản 2 Điều 34 Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc; điểm đ Điều 2 Quyết định số 1414/QĐ-BHXH ngày 04/10/2016 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam; Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam quy định về quy trình thu BHXH, BHYT, bảo hiểm tai nạn lao động - Bệnh nghề nghiệp; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức D về việc hủy Quyết định số 561/QĐ-BHXH ngày 10/5/2019 của BHXH tỉnh Hà Giang về việc chấm dứt hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/02/2020 người khởi kiện là ông Trần Đức D đã gửi đơn kháng cáo và các tài liệu kèm theo đến tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang (Dấu trên Phong bì 04/02/2020 - BL 639), đơn kháng cáo không có ngày cụ thể (BL 565); Ngày 06/02/2020 ông Trần Đức D tiếp tục gửi Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang Đơn kháng cáo (Dấu trên phong bì gửi ngày 06/02/2020 - BL 646), Đơn kháng cáo này đề ngày 02/02/2020 và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số 561/QĐ-BHXH ngày 10/5/2019 của BHXH tỉnh Hà Giang về việc chấm dứt hưởng chế độ bảo hiểm xã hội đối với ông Trần Đức D.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông D và người đại diện theo ủy quyền của ông D xác định lại yêu cầu kháng cáo là: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện của ông D, hủy Quyết định số 561/QĐ-BHXH ngày 10/5/2019 của BHXH tỉnh Hà Giang về việc chấm dứt hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

- Đại diện theo ủy quyền của giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Hà Giang có quan điểm: Không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của ông D. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Những người tiến hành và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Sau khi phân tích nội dung vụ án và các tình tiết có liên quan đến yêu cầu kháng cáo của ông D đã đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, HĐXX xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 27/02/2019, BHXH tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định số 280/QĐ-BHXH về việc: “Tạm dừng hưởng chế độ bảo hiểm xã hội hàng tháng đối với ông Nguyễn Đức Dậu kể từ tháng 3/2019”; Ngày 10/05/2019 BHXH tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định số 561/QĐ-BHXH về việc: “Chấm dứt hưởng chế độ bảo hiểm xã hội hàng tháng đối với ông Trần Đức D”. Tại đơn khởi kiện ngày 07/5/2019, đơn khởi kiện bổ sung lần 01 ngày 20/5/2019 và lần 02 ngày 26/5/2019 ông Trần Đức D đã yêu cầu hủy bỏ 02 Quyết định gồm Quyết định số 280/QĐ-BHXH về việc: “Tạm dừng hưởng chế độ BHXH hàng tháng kể từ tháng 3/2019” và Quyết định số 561/QĐ-BHXH ngày 10/05/2019 về việc: “Chấm dứt hưởng chế độ bảo hiểm xã hội hàng tháng đối với ông Trần Đức D” của Bảo hiểm xã hội tỉnh Hà Giang. Quá trình Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang giải quyết vụ án, ngày 03/12/2019 ông Trần Đức D đã rút yêu cầu hủy bỏ quyết định số 280/QĐ-BHXH về việc: “Tạm dừng hưởng chế độ BHXH hàng tháng kể từ tháng 3/2019”; giữ nguyên yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 561/QĐ-BHXH ngày 10/05/2019 về việc: “Chấm dứt hưởng chế độ bảo hiểm xã hội hàng tháng đối với ông Trần Đức D” của Bảo hiểm xã hội tỉnh Hà Giang.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2020/HCST ngày 15/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang đã xác định đơn khởi kiện của ông Trần Đức D trong thời hiệu khởi kiện là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính; xét xử đúng đối tượng khởi kiện, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3, Điều 30 và khoản 3 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính; xác định đúng và đủ những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm ông Trần Đức D vắng mặt. Ngày 23/01/2019 có kết quả giao bản án cho gia đình ông D (BL 563). Ngày 04/02/2020 người khởi kiện là ông Trần Đức D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm (BL 639 - 645) là kháng cáo trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính nên đơn kháng cáo hợp lệ và được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện về việc yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số 561/QĐ-BHXH ngày 10/5/2019 của BHXH tỉnh Hà Giang về việc chấm dứt hưởng BHXH hàng tháng và thu hồi số tiền đã chi trả theo Quyết định số 830/QĐ-BHXH ngày 18/8/2012 của BHXH tỉnh Hà Giang:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành và hình thức của quyết định: BHXH tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định số 561/QĐ-BHXH là đúng quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu, tổ chức của BHXH địa phương quy định tại Điều 93 Luật Bảo hiểm xã hội, Quyết định số 1414/QĐ-BHXH ngày 04/10/2016 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam, Quyết định số 888/QĐ-BHXH ngày 08/8/2013 của BHXH Việt Nam ban hành quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành văn bản, quản lý văn bản và con dấu trong hệ thống BHXH Việt Nam, Quyết định số 636/QĐ-BHXH ngày 22/4/2016 của BHXH Việt Nam quy định về hồ sơ và quy trình giải quyết hưởng các chế độ BHXH. Về hình thức văn bản phù hợp với quy định tại Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư.

[2.2] Về nội dung quyết định hành chính bị khởi kiện.

[2.2.1] Nội dung về việc chấm dứt hưởng chế độ BHXH hàng tháng.

Tại Kết luận số 374/KL-BHXH ngày 01/02/2019 của BHXH Việt Nam đã nêu:

Hồ sơ, lý lịch do 05 đối tượng cung cấp chủ yếu là bản phô tô không phải là bản gốc, nhiều dấu hiệu bất hợp lý về thể thức văn bản hành chính; Tại Công văn số 241/CV ngày 20/9/2008 do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Giang xác nhận, việc Bảo hiểm xã hội tỉnh Hà Giang căn cứ vào Biên bản họp tư vấn về việc bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội của người lao động tại Công ty chè Việt Lâm ngày 25/6/2009 giữa Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Giang, Sở Tài chính, Bảo hiểm xã hội tỉnh Hà Giang, Sở Nội vụ và nguyên lãnh đạo đã từng công tác tại Công ty chè Việt Lâm không phải là văn bản pháp lý để tính thời gian công tác từ tháng 12/1993 trở về trước. Thành phần hồ sơ làm căn cứ xét duyệt, cộng nối thời gian không đúng, không đủ theo quy định tại Thông tư số 19/TT- BLĐTBXH ngày 23/9/2008 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2007/TT-BLĐTBXH ngày 30/01/2007 về hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc.

Biên bản xác định tính pháp lý hồ sơ, tài liệu và hưởng chế độ BHXH ngày 26/4/2019 (BL số 51 đến số 56): Các giấy tờ, tài liệu như Quyết định phục viên số 126/KHĐ ngày 01/6/1982 của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hà Tuyên là bản phô tô không có giá trị để xem xét; một số giấy tờ là bản có chứng thực như Quyết định số 359/TC-QĐ ngày 28/6/1982 của Giám đốc Nông trường quốc doanh Việt Lâm nhưng nội dung không rõ ràng, năm tiếp nhận; lý lịch quân nhân có nhiều điểm bất hợp lý nên chỉ có giá trị thông tin, tham khảo. Theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư quy định:

- “1. Bản sao y bản chính, bản trích sao và bản sao lục.
2. Thể thức văn bản được quy định như sau: Hình thức sao, sao y bản chính hoặc trích sao, sao lục; tên cơ quan, tổ chức sao văn bản, số, ký hiệu bản sao, địa danh và ngày tháng năm sao; chức vụ, họ tên và chữ ký của người có thẩm quyền; dấu của cơ quan, tổ chức sao văn bản; nơi nhận.
3. Bản sao y bản chính, bản trích sao và bản sao lục được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định này có giá trị pháp lý như bản chính.
4. Bản sao chụp cả dấu và chữ ký của văn bản không được thực hiện theo đúng thể thức quy định tại khoản 2 của Điều này chỉ có giá trị thông tin, tham khảo”.

Vì vậy, tại biên bản làm việc về việc thẩm định, xác định thời gian tính hưởng BHXH (BL số 45-46) đối với ông D với nội dung không có cơ sở để tính thời gian công tác từ tháng 7/1982 đến tháng 6/1995 và từ tháng 7/2008 đến tháng 4/2010 và từ tháng 11/2010 đến tháng 12/2010 là 15 năm 0 tháng. Đối với thời gian trong quân đội từ tháng 9/1976 đến tháng 6/1982 là 5 năm 10 tháng được xác định là chưa đủ thời gian xem xét tính thời gian công tác. Do đó, ông D không được hưởng chế độ hưu trí theo quy định.

Văn bản số 57/TC-CTY ngày 22/7/1997 của Công ty chè Việt Lâm về danh sách các công nhân chè được chốt BHXH (BL số 288) không có tên ông Trần Đức D và ông D không có tên trong danh sách lao động của công ty chè Việt Lâm tính đến ngày 31/12/1994 và trước ngày 01/01/1995 nên không được tính hưởng BHXH.

- Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc quy định: “3. Người lao động làm việc thuộc khu vực nhà nước nghỉ chờ việc từ ngày 01/11/1987

đến trước ngày 01/01/1995 thì doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức không sắp xếp bố trí được việc làm, chưa giải quyết trợ cấp thôi việc hoặc trợ cấp BHXH một lần tính đến ngày 31/12/1994 vẫn có tên trong danh sách lao động của đơn vị thì được tính thời gian công tác trước khi nghỉ chờ việc để tính hưởng BHXH”.

- Về hồ sơ đề nghị tính thời gian công tác trước khi nghỉ chờ việc theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội quy định:

“2. Hồ sơ đề nghị tính thời gian công tác trước khi nghỉ chờ việc bao gồm:

- a. Tờ khai tham gia BHXH của người lao động;
- b. Lý lịch gốc và lý lịch bổ sung (nếu có);
- c. Danh sách của đơn vị có tên người lao động tính đến trước 31/12/1994 hoặc các giấy tờ xác định người lao động có tên trong danh sách của đơn vị đến ngày 31/12/1994;
- d. Quyết định nghỉ chờ việc.”

Tại biên bản thẩm định hồ sơ ngày 26/7/2011 (BL số 228) kết luận: “Ông Trần Đức D không đủ giấy tờ để chứng minh là đối tượng nghỉ chờ việc trước tháng 01/1995. Do vậy chưa có cơ sở để tính thời gian công tác từ tháng 7/1982 đến tháng 11/1997. Thời gian công tác trong quân đội chỉ được tính đối với CBCCVC thuộc biên chế nhà nước nhưng từ tháng 7/2008 ông D công tác tại Công ty TNHH Kim Linh không được cộng nối thời gian công tác trong quân đội để tính hưởng BHXH”.

Tại bảng kê quá trình làm việc của người lao động ngày 25/01/2005 của Chi cục Thuế huyện VX có chữ ký của ông Lê Thế B khi đó là Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện VX. Qua xác minh ông B cho biết “tôi làm Phó chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện VX từ năm 2002 đến năm 2007, tôi không ký bất cứ tài liệu gì liên quan đến việc xác nhận quá trình công tác cho công nhân công ty Chè - cà phê Việt Lâm” (BL số 202). Tại kết luận giám định số 4798/C09-P5 ngày 12/12/2018 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an (BL số 199) đã xác định chữ ký của ông B là giả, do đó văn bản này không có giá trị chứng minh, không được coi là chứng cứ.

Căn cứ bản tự khai ngày 09/8/2018 (BL số 209), ông D trình bày: “Tôi nhập ngũ tháng 8/1976 tại huyện đội Bắc Quang, phục viên chuyển về Nông trường chè Việt Lâm từ tháng 8/1982 đến cuối năm 1990 tôi xin nghỉ thôi việc và được chấp nhận. Từ đó đến nay tôi không tham gia làm việc cho bất kỳ công ty nào. Toàn bộ quá trình làm BHXH và chế độ hưu trí đều do cô Hà (cán bộ Tòa án của huyện VX - Người đại diện theo ủy quyền của ông D trong vụ án này) làm cho tôi khoảng năm 2008-2009. Tôi có đưa cho cô Hà số tiền 70 triệu đồng để cô Hà làm hồ sơ BHXH và hưởng chế độ hưu trí cho tôi”. Bản tự khai của ông D hoàn toàn phù hợp với biên bản ghi lời khai cùng ngày của ông D tại Phòng cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Hà Giang (BL số 208) theo văn bản số 135/CV-CSĐT (PC03) ngày 24/4/2019 (BL số 40) thể hiện ông D không làm việc tại công ty TNHH Kim Linh và công ty TNHH Việt Bách mà chỉ nộp tiền nhờ công ty gửi đóng BHXH không phải là trường hợp bắt buộc tham gia BHXH. Mặt khác, theo danh sách cán bộ công nhân viên chức công ty chè - cà phê Việt Lâm có mặt từ tháng 1/1994 đến tháng 12/1994 (BL số 242 đến BL số 247) và danh sách cán bộ công nhân viên chức công ty chè - cà phê Việt Lâm có mặt từ

tháng 1/1995 đến tháng 6/1995 (BL số 248 đến BL số 253); danh sách cán bộ công nhân viên chức đã chuyển công tác từ tháng 4/1993 đến tháng 12/1994 (BL số 255) và danh sách cán bộ công nhân viên chức công ty chè - cà phê Việt Lâm đã chuyển đi từ 1995 (BL số 254) do Công ty chè - cà phê Việt Lâm lập đều không có tên ông Trần Đức D. Như vậy, lời khai của ông D về thời gian làm việc tại Công ty chè - cà phê Việt Lâm từ tháng 8/1982 đến cuối năm 1990 là có cơ sở; cộng dồn với thời gian phục vụ trong quân đội từ tháng 9 năm 1976 đến tháng 6 năm 1982 thì ông D có thời gian công tác liên tục là 14 năm 02 tháng. Hồ sơ vụ án thể hiện thời gian đóng BHXH của ông D thể hiện từ tháng 7/2008 đến tháng 4/2010 và từ tháng 11/2010 đến tháng 12/2010 tham gia BHXH tại Công ty TNHH Kim Linh và Công ty TNHH Việt Bách và đã được xác định thực tế ông D không làm việc, không hưởng lương, không thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc (đối tượng gửi đóng). Như đã phân tích, do ông Trần Đức D không đủ thời gian công tác (20 năm) nên ngày 10/5/2019 BHXH tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định số 561/QĐ-BHXH về việc chấm dứt hưởng chế độ bảo hiểm xã hội hàng tháng đối với ông Trần Đức D với lý do chấm dứt: “Có căn cứ xác định việc hưởng chế độ bảo hiểm xã hội không đúng quy định pháp luật” là chính xác, có căn cứ.

[2.2.2] Về việc thu hồi số tiền BHXH tỉnh Hà Giang đã chi trả lương hưu cho ông Trần Đức D.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Quyết định số 830/QĐ-BHXH ngày 18/8/2012 của BHXH tỉnh Hà Giang, ông D được hưởng chế độ hưu trí từ ngày 01/9/2012 số tiền 1.358.583đ/tháng đến tháng 2/2019 ông bị tạm dừng hưởng chế độ BHXH hàng tháng. Đến ngày 10/5/2019, BHXH tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định số 561/QĐ-BHXH, tại Điều 2 ghi: “Thu hồi số tiền đã chi trả theo Quyết định số 830/QĐ-BHXH của BHXH tỉnh Hà Giang và đã được điều chỉnh hàng năm theo quy định của Chính phủ kể từ ngày 01/9/2012 đến ngày 28/02/2019 gồm: Lương hưu hàng tháng: 134.163.800đ; trợ cấp khu vực một lần 17.104.500đ. Tổng cộng: 151.268.300đ”. Theo điểm d Điều 2 Quyết định số 1414/QĐ-BHXH ngày 04/10/2016 của BHXH Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của BHXH địa phương có quy định: “...từ chối chi trả các chế độ BHXH, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm y tế không đúng quy định” và điểm c khoản 1 Điều 64 Luật Bảo hiểm xã hội quy định: “Có căn cứ xác định việc hưởng BHXH không đúng quy định của pháp luật”. Do đó Quyết định số 561/QĐ-BHXH ngày 10/5/2019 của BHXH tỉnh Hà Giang về việc chấm dứt hưởng bảo hiểm xã hội hàng tháng đối với ông Trần Đức D và thu hồi số tiền đã chi trả là 151.268.300đ mà ông D đã nhận là chính xác và có căn cứ.

[3] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm ông Trần Đức D không chứng minh được và không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì mới để chứng minh Quyết định số 561/QĐ-BHXH do BHXH tỉnh Hà Giang ban hành là trái quy định của pháp luật ngoài những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Trần Đức D về việc hủy Quyết định số 561/QĐ-BHXH ngày 10/5/2019 của BHXH tỉnh Hà Giang. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa về việc bác kháng cáo của ông D, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Hội đồng xét xử cũng xét thấy: Ông Trần Đức D trong thực tế có thời gian tham gia quân đội, có thời gian công tác tại Công ty chè - cà phê Việt Lâm, có đóng Bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH Kim Linh và Công ty TNHH Việt Bách. Do đó, Bảo hiểm xã hội tỉnh Hà Giang cũng căn cứ các quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn để xem xét, giải quyết chế độ đúng chính sách (nếu có) cho ông D, nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

[5] Về án phí: Do ông Trần Đức D thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính; Bác kháng cáo của ông Trần Đức D. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2020/HCST ngày 15/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

2. Về án phí: Ông Trần Đức D không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm, hoàn trả lại ông Trần Đức D số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số BB/2018/0000054 ngày 18/02/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND CC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hải Thanh